

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17-9-2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương V Mai
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Phương Thảo – Chức vụ kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2018 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thủy T, sinh năm 1993 - Có mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- 2. Bị đơn:** Anh Võ Đình V, sinh năm 1990 - Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Thủy T trình bày: Chị T kết hôn với anh V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2013 tại Ủy ban nhân dân phường phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ năm 2015 đến nay. Nguyên nhân do lối sống không hợp, quan điểm bất đồng, anh V

không lo tu chí làm ăn để lo cho gia đình. Chị T khuyên nhủ nhiều nhưng anh V không nghe và chị T đã tự sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10/2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh V không có thiện chí hàn gắn tình cảm, tạo điều kiện để chị T làm ăn nuôi con, mà thường xuyên tới nhà cha mẹ chị T quậy phá đe dọa. Năm 2017 chị T đã làm đơn ra tòa xin ly hôn anh V, sau đó rút đơn về để tạo điều kiện vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh V vẫn không sửa chữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên chị T xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị T có hai con chung là Võ Thị Lê V, sinh ngày 10/8/2013 và Võ Liễu M, sinh ngày 03/9/2015. Từ khi ly thân hai cháu do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không có trách nhiệm gì. Khi ly hôn, chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh V không có nghề nghiệp gì, còn bản thân chị T đang buôn bán hàng ăn, thu nhập trung bình hơn 10.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và công nợ: không có .

Bị đơn anh Võ Đình V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T: Cho chị T được ly hôn với anh V; Giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Võ Đình V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Thị Thủy T và Võ Đình V tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2013 có đăng kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân chị T – anh V xảy ra mâu thuẫn, năm 2017 chị T đã làm đơn ra Tòa xin ly hôn anh V, được Tòa hòa giải, chị T rút đơn về, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10/2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T – anh V đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu, nhưng cả hai bên đều không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được; Bản thân anh V không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh V của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T – anh V có 02 con chung là Võ Thị Lê V, sinh ngày 10/8/2013 và Võ Liễu M, sinh ngày 03/9/2015, từ khi vợ chồng ly thân hai cháu đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho các cháu, chị T xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thủy T và anh Võ Đình V.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Võ Thị Lê V, sinh ngày 10/8/2013 và Võ Liễu M, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Lê Thị Thủy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Võ Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông Trần Xuân Hiếu nộp thay chị Lê Thị Thủy T tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0003773 ngày 15/5/2018.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND p.T, Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư